BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 1270 /QĐ-ĐHGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng hệ chính quy cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 66/2001/QĐ-TTg ngày 26/04/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ theo quyết định số 1972/2001/QD-BGTVT ngày 22/06/2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về "Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh";

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-ĐHGTVT ngày 18/8/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Giao thông Vận tải TP.Hồ Chí Minh về "Ban hành Quy định đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh";

Dựa theo Biên bản họp của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh ngày 18/10/2017;

Theo đề nghị của Ông Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng hệ chính quy cho **477** sinh viên như sau:

- **436** sinh viên hệ Đại học Chính quy gồm:

+ 08 sinh viên ngành Khoa học hàng hải (trong đó: 03 sinh viên chuyên ngành Điều khiển tàu biển, 05 sinh viên chuyên ngành Vận hành khai thác máy tàu thủy);

+ 16 sinh viên ngành Kỹ thuật tàu thủy (trong đó: 05 sinh viên chuyên ngành Công nghệ đóng tàu thủy, 05 sinh viên chuyên ngành Thiết kế thân tàu thủy, 02 sinh viên chuyên ngành Thiết bị năng lượng tàu thủy, 04 sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật công trình ngoài khơi);

+ 42 sinh viên ngành Kỹ thuật cơ khí (trong đó: 26 sinh viên chuyên ngành Cơ khí ô tô , 04 sinh viên chuyên ngành Máy xây dựng, 12 sinh viên chuyên ngành Cơ giới hóa xếp dỡ);

+ 02 sinh viên ngành Kỹ thuật điện, điện tử (chuyên ngành Điện công nghiệp);

+ 171 sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (trong đó: 150 sinh viên chuyên ngành Xây dựng cầu đường, 02 sinh viên chuyên ngành Quy hoạch giao thông, 19 sinh viên chuyên ngành Quy hoạch và thiết kế công trình giao thông);

+ 58 sinh viên ngành Kỹ thuật công trình xây dựng (trong đó: 05 sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật kết cấu công trình, 53 sinh viên chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp);

+ 03 sinh viên ngành Công nghệ thông tin (chuyên ngành Công nghệ thông tin);

+ 03 sinh viên ngành Truyền thông và mạng máy tính;

+ 39 sinh viên ngành Kinh tế vận tải (chuyên ngành Kinh tế vận tải biển);

+ 66 sinh viên ngành Kinh tế xây dựng (trong đó: 40 sinh viên chuyên ngành Kinh tế xây dựng, 26 sinh viên chuyên ngành Quản lý dự án xây dựng);

+ 28 sinh viên ngành Khai thác vận tải (chuyên ngành Quản trị logistics và vận tải đa phương thức);

- **41** sinh viên Cao đẳng hệ chính quy gồm:

+ 01 sinh viên ngành Điều khiển tàu biển;

+ 10 sinh viên ngành Vận hành khai thác máy tàu thủy;

+ 08 sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô (chuyên ngành Cơ khí ô tô);

+ 01 sinh viên ngành Công nghệ thông tin (chuyên ngành Công nghệ thông tin);

+ 21 sinh viên ngành Khai thác vận tải (chuyên ngành Kinh tế vận tải biển);

(Có danh sách sinh viên được công nhận tốt nghiệp kèm theo)

Điều 2: Thời gian công nhận tốt nghiệp kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3: Các Ông/Bà Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa chuyên môn, Trưởng các bộ phận liên quan và sinh viên có tên trong danh sách kèm theo nói trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT;
- Ban Giám Hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH

PGS.TS Đồng Văn Hướng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 1270 /QĐ-ĐHGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2017)

I. ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KHOA HỌC HÀNG HẢI

CHUYÊN NGÀNH: ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN

Stt	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	0851010011	Nguyễn Đình	Chiến	06/07/1990	Nam	Trung bình	HH08A	
2	1051010020	Nguyễn Đình	Châu	15/07/1992	Nam	Trung bình	HH10A	
3	1151010108	Đỗ Đức	Hoàng	03/08/1990	Nam	Trung bình	HH11B	

CHUYÊN NGÀNH: VẬN HÀNH KHAI THÁC MÁY TÀU THỦY

STT	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1051020025	Vũ Hải	Đăng	27/12/1991	Nam	Trung bình	MT10A	
2	1051020125	Nguyễn Chiến	Thắng	25/10/1992	Nam	Trung bình	MT10B	
3	1251020011	Phạm Xuân	Hải	04/08/1994	Nam	Trung bình	MT12A	
4	1251020010	Hoàng	Hà	02/03/1993	Nam	Trung bình	MT12A	
5	1251020062	Trần Bảo	Kiên	03/12/1993	Nam	Trung bình	MT12B	

NGÀNH: KỸ THUẬT TÀU THỦY

CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ ĐÓNG TÀU THỦY

Stt	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1151180010	Phạm Quảng	Đại	23/09/1992	Nam	Trung bình	ND11	
2	1151180030	Nguyễn Đại	Lợi	22/03/1993	Nam	Khá	ND11	
3	1251070012	Phan Đình	Giáp	10/05/1994	Nam	Trung bình	ND12	
4	1251070082	Lê Văn	Hiệp	06/10/1993	Nam	Trung bình	ND12	
5	1251070110	Lê Hải	Quân	08/08/1993	Nam	Khá	ND12	

CHUYÊN NGÀNH: THIẾT KẾ THÂN TÀU THỦY

Stt	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	0851070102	Nguyễn Trần	Tiến	30/12/1990	Nam	Trung bình	VT08B	
2	0951070047	Đặng Trọng	Quyền	13/10/1989	Nam	Trung bình	VT09	
3	1051070024	Trần Đình	Kim	22/08/1992	Nam	Trung bình	VT10	
4	1251070194	Trần Thanh	Nhã	21/02/1994	Nam	Trung bình	VT12	
5	1251070138	Trần Văn	Vương	20/03/1993	Nam	Trung bình	VT12	

CHUYÊN NGÀNH: THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG TÀU THỦY

Stt	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1151190020	Nguyễn Đức	Phụ	20/07/1993	Nam	Trung bình	TN11	
2	1251070025	Lê	Long	01/01/1994	Nam	Trung bình	TN12	

CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH NGOÀI KHƠI

Stt	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1251070039	Vũ Nhật	Tân	14/08/1994	Nam	Trung bình	NK12	
2	1251070034	Huỳnh Văn	Sơn	07/12/1994	Nam	Trung bình	NK12	
3	1251070061	Lê Văn	Bắc	05/06/1994	Nam	Khá	NK12	
4	1251070072	Hồ Sỹ	Đạt	08/01/1994	Nam	Trung bình	NK12	

NGÀNH: KỸ THUẬT CƠ KHÍ

CHUYÊN NGÀNH: CƠ KHÍ Ô TÔ

STT	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1051130015	Lê Kim	Đa	16/11/1991	Nam	Trung bình	CO10A	
2	1051130082	Lê Ngọc	Luân	04/08/1992	Nam	Trung bình	CO10B	
3	1051130093	Nguyễn Đình	Tân	28/09/1991	Nam	Trung bình	CO10B	
4	1151130037	Lê Duy	Hưng	15/04/1993	Nam	Trung bình	CO11A	
5	1151130132	Rơ Ông Ha	Vẽ	05/06/1991	Nam	Trung bình	CO11B	
6	1251080025	Nguyễn Thanh	Khải	01/05/1994	Nam	Khá	CO12A	
7	1251080015	Nguyễn Ngọc Duy	Hậu	15/07/1994	Nam	Trung bình	CO12A	
8	1251080037	Nguyễn Ngọc	Phước	14/06/1994	Nam	Trung bình	CO12A	
9	1251080042	Hà Văn	Quý	06/01/1994	Nam	Trung bình	CO12A	
10	1251080045	Nguyễn	Sáng	08/09/1994	Nam	Trung bình	CO12A	
11	1251080053	Nguyễn Đình	Thành	10/05/1994	Nam	Trung bình	CO12A	
12	1251080054	Thái Văn	Thảo	23/02/1994	Nam	Trung bình	CO12A	
13	1251080078	Nông Văn	Dự	05/10/1994	Nam	Trung bình	CO12A	
14	1251080091	Lâm Quốc Vũ	Linh	01/06/1994	Nam	Trung bình	CO12A	
15	1251080103	Nguyễn Thành	Nghĩa	16/07/1994	Nam	Trung bình	CO12A	
16	1251080129	Đỗ Văn	Trung	13/11/1994	Nam	Khá	CO12B	
17	1251080131	Đặng Anh	Tuấn	03/03/1993	Nam	Khá	CO12B	
18	1251080112	Lê Hữu	Quang	17/05/1994	Nam	Trung bình	CO12B	
19	1251080114	Nguyễn	Quí	15/04/1993	Nam	Trung bình	CO12B	
20	1251080125	Lê Trung	Tín	01/02/1994	Nam	Trung bình	CO12B	
21	1251080134	Trần Anh	Tuấn	25/11/1994	Nam	Trung bình	CO12B	

22	1251080136	Kiều	Vĩ	28/03/94	Nam	Trung bình	CO12B	
23	1251080140	Lê Mậu	Vũ	20/11/1994	Nam	Trung bình	CO12B	
24	1251080150	Trần Bá	Châu	11/09/1994	Nam	Trung bình	CO12B	
25	1251080154	Nguyễn Minh	Hải	30/12/1994	Nam	Trung bình	CO12B	
26	1251080179	Kiên	Nghiệp	16/08/1993	Nam	Trung bình	CO12B	

CHUYÊN NGÀNH: MÁY XÂY DỰNG

STT	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1151140015	Phạm Ngọc	Hà	11/12/1992	Nam	Trung bình	MX11	
2	1151140043	Bùi Quốc	Trung	10/09/1993	Nam	Trung bình	MX11	
3	1151140048	Dương Tiến	Vũ	17/10/1992	Nam	Trung bình	MX11	
4	1251080058	Nguyễn Đức	Thông	04/02/1994	Nam	Trung bình	MX12	

CHUYÊN NGÀNH: CƠ GIỚI HÓA XẾP DỠ

STT	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	0851080003	Đỗ Hà	Anh	04/11/1990	Nam	Trung bình	XD08	
2	0951080012	Phạm Ngọc	Hà	09/09/1991	Nam	Trung bình	XD09	
3	1051080016	Vũ Quốc	Huy	12/02/1992	Nam	Trung bình	XD10	
4	1151080017	Trần Nguyễn Minh	Mẫn	24/07/1993	Nam	Trung bình	XD11	
5	1151080029	Nguyễn Phú	Tư	06/02/1992	Nam	Trung bình	XD11	
6	1251080009	Hồ Phúc	Du	10/07/1993	Nam	Trung bình	XD12	
7	1251080046	Trần Đình	Tài	20/06/1993	Nam	Trung bình	XD12	
8	1251080061	Tô Trần Trung	Tín	15/11/1994	Nam	Trung bình	XD12	
9	1251080074	Thổ Quốc	Ánh	03/09/1994	Nam	Trung bình	XD12	
10	1251080173	Nguyễn Phú	Lộc	10/01/1993	Nam	Trung bình	XD12	
11	1251080178	Lê Quang	Minh	04/09/1994	Nam	Trung bình	XD12	
12	1251080189	Hoàng Hữu Vinh	Quy	11/06/1994	Nam	Trung bình	XD12	

NGÀNH: KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ

CHUYÊN NGÀNH: ĐIỆN CÔNG NGHIỆP

Stt	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1351030065	Phạm Văn	Tình	08/09/1994	Nam	Trung bình	DC13	
2	1351030180	Phạm Duy	Luyện	29/07/1994	Nam	Trung bình	DC13	

NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

CHUYÊN NGÀNH: XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG

STT	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	0951110102	Hoàng Trọng	Quang	20/05/1990	Nam	Trung bình	CD09B	
2	0951110125	Nguyễn	Thanh	26/11/1991	Nam	Trung bình	CD09B	
3	1051110071	Nguyễn Viết	Linh	27/07/1992	Nam	Khá	CD10A	
4	1051110089	Nguyễn Trọng	Phú	21/11/1992	Nam	Trung bình	CD10B	
5	1051110131	Trần Minh	Triệu	01/08/1992	Nam	Trung bình	CD10B	
6	1251090094	Hoàng Văn	Bảo	11/05/1994	Nam	Giỏi	CD12A	
7	1251090105	Nguyễn Trung	Điệp	03/08/1994	Nam	Giỏi	CD12A	
8	1251090120	Bùi Hồng	Linh	16/05/1994	Nam	Giỏi	CD12A	
9	1251090127	Trần Việt	Long	21/05/1994	Nam	Giỏi	CD12A	
10	1251090136	Phạm Thứ	Nguyện	12/04/1994	Nam	Giỏi	CD12A	
11	1251090139	Nguyễn Văn	Nhất	20/03/1994	Nam	Giỏi	CD12A	
12	1251090158	Nguyễn Thanh	Tiên	26/10/1994	Nam	Giỏi	CD12A	
13	1251090005	Nguyễn Đình	Bé	26/06/1994	Nam	Khá	CD12A	
14	1251090010	Vũ Văn	Cường	29/04/1994	Nam	Khá	CD12A	
15	1251090030	Lữ Quang	Huy	03/12/1994	Nam	Khá	CD12A	
16	1251090039	Lê Sỹ	Lĩnh	12/12/1994	Nam	Khá	CD12A	
17	1251090047	Bùi Văn	Nam	15/02/1994	Nam	Khá	CD12A	
18	1251090052	Lâm Thanh	Phương	24/07/1994	Nam	Khá	CD12A	
19	1251090053	Nguyễn Bá	Phương	20/03/1993	Nam	Khá	CD12A	
20	1251090057	Nguyễn Văn	Quyền	22/06/1994	Nam	Khá	CD12A	
21	1251090058	Nguyễn Trọng	Quyết	06/10/1994	Nam	Khá	CD12A	
22	1251090069	Nguyễn Xuân	Thanh	07/03/1994	Nam	Khá	CD12A	
23	1251090070	Trần Văn	Thành	18/08/1994	Nam	Khá	CD12A	
24	1251090078	Trương Văn	Trường	17/12/1994	Nam	Khá	CD12A	
25	1251090081	Lê Minh	Tuấn	23/11/1994	Nam	Khá	CD12A	
26	1251090088	Vũ Văn	Tùng	26/01/1994	Nam	Khá	CD12A	
27	1251090099	Nguyễn Văn	Chung	20/01/1994	Nam	Khá	CD12A	
28	1251090103	Trần Ngọc	Dương	02/10/1994	Nam	Khá	CD12A	
29	1251090104	Võ Minh	Đạt	19/09/1994	Nam	Khá	CD12A	
30	1251090112	Nguyễn Đình	Hiệu	10/01/1994	Nam	Khá	CD12A	
31	1251090113	Lê Đức	Hoàng	10/03/1994	Nam	Khá	CD12A	
32	1251090114	Ngô Đức	Hùng	20/04/1994	Nam	Khá	CD12A	
33	1251090117	Đặng Văn	Kiệt	12/03/1994	Nam	Khá	CD12A	
34	1251090118	Phạm Viết	Lập	09/10/1994	Nam	Khá	CD12A	
35	1251090123	Nguyễn Thành	Lộc	09/07/1994	Nam	Khá	CD12A	

36	1251090129	Đoàn	Mạnh	05/06/1993	Nam	Khá	CD12A	
37	1251090132	Hoàng Quốc	Nam	12/02/1994	Nam	Khá	CD12A	
38	1251090134	Bùi Văn	Ngọc	02/01/1994	Nam	Khá	CD12A	
39	1251090137	Đỗ Hạnh	Nhân	15/10/1994	Nam	Khá	CD12A	
40	1251090141	Nguyễn Tấn	Nở	16/12/1993	Nam	Khá	CD12A	
41	1251090144	Trần Hồng	Quân	23/08/1994	Nam	Khá	CD12A	
42	1251090145	Nguyễn Tuấn	Quang	01/03/1994	Nam	Khá	CD12A	
43	1251090147	Trần Đình	Quyền	22/10/1994	Nam	Khá	CD12A	
44	1251090148	Lê Bùi	Sang	29/06/1994	Nam	Khá	CD12A	
45	1251090150	Nguyễn Văn	Sơn	16/06/1994	Nam	Khá	CD12A	
46	1251090160	Nguyễn Đăng	Tiến	06/06/1994	Nam	Khá	CD12A	
47	1251090162	Phạm Văn	Tình	02/12/1994	Nam	Khá	CD12A	
48	1251090163	Đặng Minh	Trí	25/11/1994	Nam	Khá	CD12A	
49	1251090164	Lê Thanh	Trí	27/05/1994	Nam	Khá	CD12A	
50	1251090165	Nguyễn Tấn	Triệu	19/10/1994	Nam	Khá	CD12A	
51	1251090168	Hồ Văn	Trường	13/03/1993	Nam	Khá	CD12A	
52	1251090175	Nguyễn Anh	Tuấn	03/01/1993	Nam	Khá	CD12A	
53	1251090044	Nguyễn Văn	May	23/03/1994	Nam	Trung bình	CD12A	
54	1251090161	Nguyễn Chí	Tình	20/07/1994	Nam	Trung bình	CD12A	
55	1251090172	Nguyễn Anh	Tú	03/08/1994	Nam	Trung bình	CD12A	
56	1251090222	Lê Văn	Hữu	19/11/1994	Nam	Giỏi	CD12B	
57	1251090228	La Văn	Lân	01/12/1994	Nam	Giỏi	CD12B	
58	1251090237	Đinh Hữu	Nghĩa	15/03/1994	Nam	Giỏi	CD12B	
59	1251090242	Nguyễn Văn	Phát	03/05/1994	Nam	Giỏi	CD12B	
60	1251090272	Huỳnh Long	Tuân	20/08/1994	Nam	Giỏi	CD12B	
61	1251090334	Lê Hùng	Quốc	29/03/1994	Nam	Giỏi	CD12B	
62	1251090180	Trần Văn	Tuyền	14/02/1994	Nam	Khá	CD12B	
63	1251090182	Lê Đình	Văn	05/05/1994	Nam	Khá	CD12B	
64	1251090183	Trần Quốc	Việt	12/12/1994	Nam	Khá	CD12B	
65	1251090185	Nguyễn Duy	Vũ	03/12/1993	Nam	Khá	CD12B	
66	1251090187	Trần Công	Ải	14/05/1994	Nam	Khá	CD12B	
67	1251090188	Đinh Quốc	Bảo	01/09/1994	Nam	Khá	CD12B	
68	1251090194	Lê Thái	Chung	03/08/1994	Nam	Khá	CD12B	
69	1251090195	Nguyễn Hoàng	Cương	09/02/1994	Nam	Khá	CD12B	
70	1251090201	Nguyễn Văn	Đại	12/08/1994	Nam	Khá	CD12B	
71	1251090203	Nguyễn Lê Anh	Đạt	17/03/1994	Nam	Khá	CD12B	

72	1251090205	Chu Song	Điệp	17/07/1994	Nam	Khá	CD12B	
73	1251090206	Đặng Tấn	Đồng	20/10/1994	Nam	Khá	CD12B	
74	1251090210	Nguyễn Văn	Hải	22/11/1994	Nam	Khá	CD12B	
75	1251090211	Đỗ Lê Nguyên	Hào	27/04/1994	Nam	Khá	CD12B	
76	1251090214	Phan Văn	Hòa	20/04/1994	Nam	Khá	CD12B	
77	1251090216	Huỳnh Đức	Hoan	15/12/1994	Nam	Khá	CD12B	
78	1251090217	Đặng Lương Minh	Hoàng	14/01/1994	Nam	Khá	CD12B	
79	1251090218	Đỗ Huy	Hoàng	22/09/1993	Nam	Khá	CD12B	
80	1251090220	Lê Quốc	Hưng	12/03/1994	Nam	Khá	CD12B	
81	1251090221	Phan Thành	Hưng	04/09/1994	Nam	Khá	CD12B	
82	1251090224	Phạm Đình	Huy	19/12/1994	Nam	Khá	CD12B	
83	1251090226	Nguyễn Kim	Khánh	21/11/1994	Nam	Khá	CD12B	
84	1251090241	Bùi Thanh	Phát	25/02/1994	Nam	Khá	CD12B	
85	1251090243	Thái Thịnh	Phát	08/12/1994	Nam	Khá	CD12B	
86	1251090247	Phan Minh	Phụng	12/08/1994	Nam	Khá	CD12B	
87	1251090250	Đặng Quang	Sĩ	03/06/1994	Nam	Khá	CD12B	
88	1251090253	Nguyễn Tiến	Sỹ	02/08/1994	Nam	Khá	CD12B	
89	1251090254	Phan Văn	Tân	10/11/1994	Nam	Khá	CD12B	
90	1251090257	Phạm Thành	Thắng	10/08/1994	Nam	Khá	CD12B	
91	1251090258	Trần Văn	Thanh	26/04/1994	Nam	Khá	CD12B	
92	1251090262	Nguyễn Chí	Thông	24/02/1994	Nam	Khá	CD12B	
93	1251090264	Trần Hữu	Tình	14/08/1994	Nam	Khá	CD12B	
94	1251090265	Trần Thanh	Tòng	05/04/1994	Nam	Khá	CD12B	
95	1251090268	Đỗ Ngọc	Trung	11/08/1994	Nam	Khá	CD12B	
96	1251090270	Lưu Bá	Trước	10/08/1994	Nam	Khá	CD12B	
97	1251090274	Nguyễn Kim	Tuấn	08/08/1994	Nam	Khá	CD12B	
98	1251090276	Nguyễn Công	Ty	04/04/1994	Nam	Khá	CD12B	
99	1251090278	Dương Tấn	Việt	22/07/1994	Nam	Khá	CD12B	
100	1251090280	Võ Đắc	An	18/10/1994	Nam	Khá	CD12B	
101	1251090283	Trần Xuân	Bích	24/10/1994	Nam	Khá	CD12B	
102	1251090284	Hồ Ninh	Bình	06/07/1994	Nam	Khá	CD12B	
103	1251090297	Nguyễn Quốc	Đức	07/12/1994	Nam	Khá	CD12B	
104	1251090306	Trần Tấn	Hiếu	03/07/1994	Nam	Khá	CD12B	
105	1251090314	Trần Sỹ	Hùng	28/09/1994	Nam	Khá	CD12B	
106	1251090315	Lê Mỹ	Huy	30/05/1994	Nam	Khá	CD12B	
107	1251090318	Võ Đình	Khôi	09/08/1994	Nam	Khá	CD12B	

108	1251090326	Đặng Hồng	Nguyên	27/07/1994	Nam	Khá	CD12B	
109	1251090330	Đoàn Tô Trọng	Nhân	04/10/1994	Nam	Khá	CD12B	
110	1251090181	Đoàn Đình	Văn	26/11/1994	Nam	Trung bình	CD12B	
111	1251090197	Võ Văn	Cường	10/06/1994	Nam	Trung bình	CD12B	
112	1251090267	Nguyễn Thành	Trực	20/12/1994	Nam	Trung bình	CD12B	
113	1251090288	Lê Văn	Cường	30/10/1993	Nam	Trung bình	CD12B	
114	1251090316	Trần Quang	Khải	03/02/1994	Nam	Trung bình	CD12B	
115	1251090244	Lê Ngọc	Phố	28/10/1994	Nam	Xuất sắc	CD12B	
116	1251090386	Thạch Thị Ngọc	Duyên	18/07/1994	Nữ	Giỏi	CD12D	
117	1251090413	Nguyễn Nhật	Nam	12/12/1994	Nam	Giỏi	CD12D	
118	1251090338	Lê Đình	Sơn	15/12/1994	Nam	Khá	CD12D	
119	1251090340	Nguyễn Thành	Sơn	20/08/1994	Nam	Khá	CD12D	
120	1251090345	Nguyễn Trường	Tấn	23/11/1994	Nam	Khá	CD12D	
121	1251090362	Mai Tấn	Trí	20/03/1994	Nam	Khá	CD12D	
122	1251090363	Trần Nhật	Triện	04/10/1994	Nam	Khá	CD12D	
123	1251090364	Lê Minh	Trúc	06/01/1994	Nam	Khá	CD12D	
124	1251090393	Trần Văn	Hải	14/08/1994	Nam	Khá	CD12D	
125	1251090397	Nguyễn Thị Thu	Hoài	24/01/1994	Nữ	Khá	CD12D	
126	1251090407	Hà Minh	Khôi	12/02/1994	Nam	Khá	CD12D	
127	1251090408	Nguyễn Văn	Lai	17/09/1993	Nam	Khá	CD12D	
128	1251090415	Lê Thị Thanh	Ngân	19/10/1994	Nữ	Khá	CD12D	
129	1251090418	Huỳnh Bảo	Ngọc	10/09/1993	Nữ	Khá	CD12D	
130	1251090421	Bùi Thị Huỳnh	Như	21/04/1994	Nữ	Khá	CD12D	
131	1251090433	Võ Tấn	Sang	28/11/1993	Nam	Khá	CD12D	
132	1251090437	Trương Minh	Thạch	24/07/1994	Nam	Khá	CD12D	
133	1251090444	Nguyễn Văn	Thi	06/01/1994	Nam	Khá	CD12D	
134	1251090446	Phạm Lê Duy	Thông	26/06/1994	Nam	Khá	CD12D	
135	1251090456	Hoàng Khắc	Tuấn	13/10/1994	Nam	Khá	CD12D	
136	1251090461	Nguyễn Thành	Vinh	14/08/1994	Nam	Khá	CD12D	
137	1251090464	Nguyễn Đức	An	12/01/1993	Nam	Khá	CD12D	
138	1251090467	Lê Nguyễn Tuấn	Anh	17/03/1994	Nam	Khá	CD12D	
139	1251090468	Nguyễn Việt	Anh	02/08/1994	Nam	Khá	CD12D	
140	1251090469	Nguyễn Công	Bình	30/08/1994	Nam	Khá	CD12D	
141	1251090514	Thạch Thái	Nam	24/05/1993	Nam	Khá	CD12D	
142	1251090517	Nguyễn Huy Thành	Phát	24/11/1994	Nam	Khá	CD12D	
143	1251090520	Vi Minh	Phương	15/08/1994	Nam	Khá	CD12D	

144	1251090523	Đinh Văn	Sơn	11/01/1994	Nam	Khá	CD12D	
145	1251090524	Phạm Thế	Sơn	17/03/1993	Nam	Khá	CD12D	
146	1251090534	Nguyễn Hữu	Thành	20/01/1994	Nam	Khá	CD12D	
147	1251090539	Nguyễn Thanh	Thiện	28/12/1994	Nam	Khá	CD12D	
148	1251090548	Nguyễn Văn	Tuấn	25/12/1994	Nam	Khá	CD12D	
149	1251090549	Trần Văn	Tuất	30/06/1994	Nam	Khá	CD12D	
150	1351090279	Trần Đăng	Khoa	14/02/1995	Nam	Khá	CD13	

CHUYÊN NGÀNH: QUY HOẠCH GIAO THÔNG

Stt	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	0951170024	Nguyễn Thanh	Hưng	04/12/1991	Nam	Trung bình	QG09	
2	0951170032	Nguyễn Phi Y	Khiêm	01/02/1991	Nam	Trung bình	QG09	

CHUYÊN NGÀNH: QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

Stt	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1151170004	Đào Duy	Cường	01/07/1993	Nam	Trung bình	QG11	
2	1151170015	Nguyễn Văn	Đàn	24/05/1993	Nam	Trung bình	QG11	
3	1151170058	Nguyễn Minh	Tân	24/07/1993	Nam	Trung bình	QG11	
4	1251090003	Nguyễn Trương Hùng	Anh	02/10/1994	Nam	Khá	QG12	
5	1251090087	Võ Thanh	Tùng	16/01/1994	Nam	Khá	QG12	
6	1251090089	Nguyễn Thanh	Tuyền	25/10/1994	Nam	Khá	QG12	
7	1251090171	Đinh Quang	Tú	26/06/1990	Nam	Khá	QG12	
8	1251090303	Nguyễn Thanh	Hậu	29/03/1994	Nam	Khá	QG12	
9	1251090332	Trần Ngọc	Phú	06/10/1994	Nam	Khá	QG12	
10	1251090339	Ngũ Văn	Sơn	15/12/1994	Nam	Khá	QG12	
11	1251090018	Ngô Văn	Đức	12/01/1994	Nam	Trung bình	QG12	
12	1251090023	Trần Viết	Hoàn	16/08/1994	Nam	Trung bình	QG12	
13	1251090076	Nguyễn Nhựt	Trường	12/09/1994	Nam	Trung bình	QG12	
14	1251090166	Nguyễn Ngọc	Trịnh	06/03/1994	Nam	Trung bình	QG12	
15	1251090176	Nguyễn Mậu	Tuấn	20/02/1994	Nam	Trung bình	QG12	
16	1251090232	Nguyễn Quang	Lý	29/01/1994	Nam	Trung bình	QG12	
17	1251090360	Nguyễn Văn	Tình	25/12/1994	Nam	Trung bình	QG12	
18	1251090387	Đoàn Bá	Đạo	06/08/1994	Nam	Trung bình	QG12	
19	1251090491	Mai Thế	Hiển	11/02/1994	Nam	Trung bình	QG12	

NGÀNH: KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT KẾT CẤU CÔNG TRÌNH

STT	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1251160146	Trần Minh	Tài	09/04/1994	Nam	Khá	KC12	
2	1251160164	Nguyễn Lương	Thiện	18/02/1994	Nam	Trung Bình	KC12	
3	1251160333	Phạm Tuấn	Minh	02/12/1994	Nam	Khá	KC12	
4	1251160280	Lê Văn	Vũ	15/10/1994	Nam	Khá	KC12	
5	1251160314	Dương Tấn	Kha	24/07/1992	Nam	Trung Bình	KC12	

CHUYÊN NGÀNH: XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

Stt	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1151160049	Lê Ngọc	Huân	22/04/1992	Nam	Trung Bình	XC11A	
2	1151160133	Trần Quốc	Tú	10/09/1992	Nam	Trung Bình	XC11B	
3	1151160117	Lê Công	Thọ	14/08/1993	Nam	Trung Bình	XC11B	
4	1151160146	Nguyễn Anh	Tuấn	06/01/1993	Nam	Trung Bình	XC11B	
5	1051160147	Nguyễn Thế	Vinh	10/10/1992	Nam	Trung Bình	XC11B	
6	1151160224	Trần Anh	Tín	17/04/1992	Nam	Trung Bình	XC11D	
7	1151160180	Tạ Đình	Hiền	23/10/1993	Nam	Trung Bình	XC11D	
8	1251160301	Hoàng	Đông	22/10/1994	Nam	Khá	XC12A	
9	1251160304	Bùi Đức	Giang	25/03/1994	Nam	Trung Bình	XC12A	
10	1251160198	Võ Minh	Đạt	06/01/1994	Nam	Trung Bình	XC12A	
11	1251160189	Nguyễn Bảo	An	04/10/1994	Nam	Trung Bình	XC12A	
12	1251160193	Phan Ngọc	Chánh	23/10/1994	Nam	Trung Bình	XC12A	
13	1251160207	Nguyễn Quốc	Hùng	16/10/1994	Nam	Khá	XC12A	
14	1251160310	Nguyễn Hữu	Hòa	24/08/1993	Nam	Trung Bình	XC12A	
15	1251160018	Lê Minh	Đức	24/02/1994	Nam	Khá	XC12A	
16	1251160024	Trương Hoàng	Hiếu	10/09/1994	Nam	Khá	XC12A	
17	1251160293	Phan Tá	Dũng	08/06/1994	Nam	Trung Bình	XC12A	
18	1251160298	Nguyễn	Đạt	13/05/1994	Nam	Trung Bình	XC12A	
19	1251160027	Thái Viết	Hoàn	03/05/1994	Nam	Trung Bình	XC12A	
20	1251160306	Ngô Quang	Hậu	18/10/1993	Nam	Trung Bình	XC12A	
21	1251160286	Trương Thị	Ánh	25/06/1993	Nữ	Trung Bình	XC12A	
22	1251160192	Đỗ Vạn	Cầm	18/08/1994	Nam	Trung Bình	XC12A	
23	1251160299	Nguyễn Minh	Đạt	04/09/1994	Nam	Khá	XC12A	
24	1251160011	Nguyễn Văn	Dự	18/03/1994	Nam	Trung Bình	XC12A	
25	1251160032	Võ Quốc	Hùng	11/10/1994	Nam	Trung Bình	XC12A	
26	1251160300	Nguyễn Phước	Đạt	05/09/1994	Nam	Khá	XC12A	
27	1251160206	Đoàn Công	Hùng	10/12/1992	Nam	Trung Bình	XC12A	

28	1251160003	Đậu Xuân	Anh	18/04/1993	Nam	Trung Bình	XC12A	
29	1251160106	Lê Thành	Đạt	12/01/1994	Nam	Trung Bình	XC12A	
30	1251160291	Nguyễn Bảo	Côn	15/04/1994	Nam	Khá	XC12A	
31	1251160103	Lê	Duy	12/02/1993	Nam	Trung Bình	XC12A	
32	1251160351	Võ Tá	Quân	08/11/1993	Nam	Trung Bình	XC12B	
33	1251160054	Từ Quang	Nguyên	16/03/1994	Nam	Trung Bình	XC12B	
34	1251160334	Đinh Quang	Nam	18/09/1994	Nam	Khá	XC12B	
35	1251160140	Nguyễn Thành	Sang	10/10/1993	Nam	Trung Bình	XC12B	
36	1251160226	Võ Tài	Nhân	19/01/1994	Nam	Trung Bình	XC12B	
37	1251160065	Trần Thế	Quyền	20/10/1994	Nam	Trung Bình	XC12B	
38	1251160046	Nguyễn Công	Minh	08/06/1994	Nam	Trung Bình	XC12B	
39	1251160237	Vi Văn	Quân	02/09/1993	Nam	Trung Bình	XC12B	
40	1251160317	Mai Trường	Khánh	03/09/1994	Nam	Trung Bình	XC12B	
41	1251160335	Dương Hoàng	Nam	24/04/1993	Nam	Khá	XC12B	
42	1251160330	Vương Văn	Mạnh	18/12/1994	Nam	Trung Bình	XC12B	
43	1251160047	Nguyễn Hoàng	Minh	11/06/1994	Nam	Trung Bình	XC12B	
44	1251160240	Phạm Trần Việt	Quốc	15/03/1994	Nam	Trung Bình	XC12B	
45	1251160155	Võ Toàn	Thắng	21/08/1993	Nam	Trung Bình	XC12D	
46	1251160370	Nguyễn Văn	Trường	02/01/1994	Nam	Trung Bình	XC12D	
47	1251160173	Lê Hồng	Trí	23/10/1994	Nam	Khá	XC12D	
48	1251160278	Hoàng Viết	Vinh	16/08/1994	Nam	Khá	XC12D	
49	1251160366	Danh Phạm Minh	Trí	18/06/1992	Nam	Trung Bình	XC12D	
50	1251160165	Phạm Đăng	Thoan	15/09/1994	Nam	Trung Bình	XC12D	
51	1251160242	Phan Anh	Sơn	08/08/1993	Nam	Khá	XC12D	
52	1251160086	Phạm Hồng	Tĩnh	17/09/1994	Nam	Trung Bình	XC12D	
53	0951160022	Đoàn Văn	Hùng	10/05/1991	Nam	Trung Bình	XC09A	

NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Stt	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1351120010	Trần Bá	Dương	02/06/1994	Nam	Khá	CN13	
2	1351120011	Nguyễn Anh	Duy	02/05/1995	Nam	Trung bình	CN13	
3	1351120059	Phạm Thành	Tài	22/08/1995	Nam	Khá	CN13	

NGÀNH: TRUYỀN THÔNG VÀ MẠNG MÁY TÍNH

Stt	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1051150060	Quách Thiện	Tín	24/03/1992	Nam	Khá	KM10	

2	1151150011	Phan Văn	Em	28/08/1992	Nam	Trung bình	KM11	
3	1151150059	Đỗ Thanh	Tùng	08/10/1993	Nam	Trung bình	KM11	

NGÀNH: KINH TẾ VẬN TẢI

CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ VẬN TẢI BIỂN

STT	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1154010016	Tạ Phú	Cường	20/09/1993	Nam	Trung bình	KT11A	
2	1354010004	Phạm Thị Xuân	Ánh	01/02/1995	Nữ	Khá	KT13A	
3	1354010020	Trần Thị Hồng	Lê	08/12/1994	Nữ	Khá	KT13A	
4	1354010027	Phan Thị Tuyết	Mai	20/05/1995	Nữ	Khá	KT13A	
5	1354010038	Bùi Thị	Nhung	30/03/1995	Nữ	Khá	KT13A	
6	1354010039	Phạm Thị Hồng	Phúc	30/08/1995	Nữ	Khá	KT13A	
7	1354010051	Nguyễn Thị	Quyên	20/09/1994	Nữ	Khá	KT13A	
8	1354010028	Nguyễn Thị Thanh	Mi	17/02/1995	Nữ	Trung bình	KT13A	
9	1354010043	Nguyễn Duy	Phương	12/10/1994	Nam	Trung bình	KT13A	
10	1354010046	Vũ Thị	Phượng	13/10/1993	Nữ	Trung bình	KT13A	
11	1354010061	Châu Anh	Trúc	12/10/1995	Nam	Trung bình	KT13A	
12	1354010064	Đoàn Thị	Tuyết	10/09/1995	Nữ	Trung bình	KT13A	
13	1354010083	Bùi Xuân	Đoàn	01/08/1995	Nam	Giỏi	KT13B	
14	1354010078	Nguyễn Thị Thùy	Dương	07/01/1995	Nữ	Khá	KT13B	
15	1354010079	Phạm Thị	Dương	18/01/1995	Nữ	Khá	KT13B	
16	1354010080	Nguyễn Văn	Duy	25/09/1995	Nam	Khá	KT13B	
17	1354010082	Mai Thành	Đạt	25/10/1995	Nam	Khá	KT13B	
18	1354010120	Nguyễn Thị Anh	Thư	06/06/1995	Nữ	Khá	KT13B	
19	1354010067	Nguyễn Hồ Thiên	Ân	17/11/1995	Nam	Trung bình	KT13B	
20	1354010068	Trần Thị Kim	Anh	25/10/1995	Nữ	Trung bình	KT13B	
21	1354010069	Vũ Thị ánh	Bình	05/02/1995	Nữ	Trung bình	KT13B	
22	1354010093	Nguyễn Thị	Huệ	18/07/1995	Nữ	Trung bình	KT13B	
23	1354010112	Diệp Thúy Quyên	Quyên	15/05/1995	Nữ	Trung bình	KT13B	
24	1354010119	Đinh Thị Phương	Thảo	12/03/1995	Nữ	Trung bình	KT13B	
25	1354010126	Hoàng	Truyền	28/01/1995	Nam	Trung bình	KT13B	
26	1354010134	Đào Duy	Cảnh	28/08/1994	Nam	Khá	KT13D	
27	1354010146	Trương Quỳnh	Hoa	04/10/1995	Nữ	Khá	KT13D	
28	1354010160	Nguyễn Thái Ái	Linh	20/03/1995	Nữ	Khá	KT13D	
29	1354010161	Trần Thị Ngọc	Linh	29/01/1995	Nữ	Khá	KT13D	
30	1354010167	Ngô Thanh	Nga	04/07/1995	Nữ	Khá	KT13D	

31	1354010171	Trần Thị Phương	Nghi	22/07/1995	Nữ	Khá	KT13D	
32	1354010189	Nguyễn Thị Huyền	Trang	24/05/1995	Nữ	Khá	KT13D	
33	1354010139	Lê Doãn	Cường	26/05/1994	Nam	Trung bình	KT13D	
34	1354010148	Đỗ Thái	Hoàng	25/07/1995	Nam	Trung bình	KT13D	
35	1354010155	Hồ Sỹ	Khánh	17/04/1995	Nam	Trung bình	KT13D	
36	1354010159	Trần Thị Thúy	Kiều	05/06/1994	Nữ	Trung bình	KT13D	
37	1354010192	Nguyễn Thành	Trung	28/07/1995	Nam	Khá	KT13D	
38	1354010194	Phạm Thanh	Tuấn	18/05/1995	Nam	Trung bình	KT13D	
39	1354010196	Nguyễn Như	Văn	26/12/1995	Nam	Trung bình	KT13D	

NGÀNH: **KINH TẾ XÂY DỰNG**

CHUYÊN NGÀNH: **KINH TẾ XÂY DỰNG**

STT	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1354020129	Nguyễn Hồng	Ngọc	04/11/1995	Nữ	Giỏi	KX13A	
2	1354020005	Trần Thị Kim	Anh	20/01/1995	Nữ	Khá	KX13A	
3	1354020011	Vũ Thị	Cúc	01/01/1995	Nữ	Khá	KX13A	
4	1354020018	Hoàng Thị Thu	Hằng	08/06/1994	Nữ	Khá	KX13A	
5	1354020020	Lương Thị	Hạnh	05/07/1995	Nữ	Khá	KX13A	
6	1354020030	Lê Hữu Vũ	Lâm	20/06/1994	Nam	Khá	KX13A	
7	1354020031	Hồ Thị Ý	Linh	07/08/1995	Nữ	Khá	KX13A	
8	1354020032	Lâm Thị Khánh	Linh	22/10/1995	Nữ	Khá	KX13A	
9	1354020043	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	22/12/1995	Nữ	Khá	KX13A	
10	1354020047	Nguyễn Hoàng	Phúc	14/02/1995	Nam	Khá	KX13A	
11	1354020087	Tô Ngọc	Ánh	17/08/1995	Nữ	Khá	KX13A	
12	1354020092	Lê Thị	Dung	15/04/1995	Nữ	Khá	KX13A	
13	1354020134	Phan Cao Ý	Nhi	07/07/1995	Nữ	Khá	KX13A	
14	1354020016	Nguyễn Thị	Hà	29/01/1995	Nữ	Trung bình	KX13A	
15	1354020017	Trương Lý	Hà	16/11/1995	Nữ	Trung bình	KX13A	
16	1354020019	Lý Cẩm	Hằng	07/02/1995	Nữ	Trung bình	KX13A	
17	1354020052	Nguyễn Thị	Phượng	20/07/1995	Nữ	Trung bình	KX13A	
18	1354020091	Võ Quốc	Diện	10/07/1995	Nam	Trung bình	KX13A	
19	1354020109	Nguyễn Đức	Hiếu	21/11/1995	Nam	Trung bình	KX13A	
20	1354020110	Nguyễn Thị	Hoa	02/08/1995	Nữ	Trung bình	KX13A	
21	1354020116	Lê Đình	Huy	27/11/1995	Nam	Trung bình	KX13A	
22	1354020119	Trương Thị Mỹ	Len	12/01/1995	Nữ	Trung bình	KX13A	
23	1354020135	Trần Đức An	Như	25/12/1995	Nữ	Khá	KX13B	
24	1354020141	Nguyễn Thị Mỹ	Phụng	24/04/1995	Nữ	Khá	KX13B	

25	1354020143	Trần Văn	Rở	28/05/1994	Nam	Khá	KX13B	
26	1354020150	Trần Hữu	Thắng	08/12/1994	Nam	Khá	KX13B	
27	1354020180	Nguyễn Ngọc Tố	Diệu	23/01/1995	Nữ	Khá	KX13B	
28	1354020189	Nguyễn Trọng	Đức	02/01/1995	Nam	Khá	KX13B	
29	1354020200	Nguyễn Hữu	Huy	17/02/1994	Nam	Khá	KX13B	
30	1354020206	Nguyễn Thị Trúc	Linh	07/05/1995	Nữ	Khá	KX13B	
31	1354020233	Huỳnh Thị Anh	Thư	14/06/1995	Nữ	Khá	KX13B	
32	1354020146	Lê Hoàng	Thái	10/10/1995	Nam	Trung bình	KX13B	
33	1354020152	Nguyễn Trung	Thành	12/01/1995	Nam	Trung bình	KX13B	
34	1354020157	Nguyễn Thị Thanh	Thuận	25/05/1995	Nữ	Trung bình	KX13B	
35	1354020186	Nguyễn Lê Anh	Duy	17/12/1994	Nam	Trung bình	KX13B	
36	1354020193	Lý Minh	Hậu	17/09/1995	Nam	Trung bình	KX13B	
37	1354020202	Ngô Quang	Khánh	10/03/1995	Nam	Trung bình	KX13B	
38	1354020225	Lê Minh Quốc	Thắng	22/12/1995	Nam	Trung bình	KX13B	
39	1354020239	Bùi Văn	Toàn	22/05/1994	Nam	Trung bình	KX13B	
40	1354020244	Huỳnh Công	Tuân	20/02/1994	Nam	Trung bình	KX13B	

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG

STT	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1254020231	Trang Hoàng	Tỷ	07/09/1992	Nam	Trung bình	QX12	
2	1354020015	Nguyễn Minh	Duy	29/08/1995	Nam	Khá	QX13	
3	1354020042	Lê Minh	Nhựt	20/12/1995	Nam	Khá	QX13	
4	1354020076	Võ Đào Anh	Tú	12/06/1995	Nam	Khá	QX13	
5	1354020089	Hồ Thanh	Bình	12/03/1994	Nam	Khá	QX13	
6	1354020101	Đồng Văn	Hạnh	05/02/1994	Nam	Khá	QX13	
7	1354020118	Trần Ngọc	Lâm	12/01/1995	Nam	Khá	QX13	
8	1354020121	Mai Tài	Lộc	25/10/1995	Nam	Khá	QX13	
9	1354020131	Nguyễn Trọng	Nhân	07/02/1995	Nam	Khá	QX13	
10	1354020167	Lê Hoàng	Vũ	30/08/1995	Nam	Khá	QX13	
11	1354020178	Quách Ngọc Minh	Châu	28/04/1995	Nữ	Khá	QX13	
12	1354020212	Nguyễn Thiện	Minh	22/08/1995	Nam	Khá	QX13	
13	1354020219	Trần Thanh	Phong	09/03/1995	Nam	Khá	QX13	
14	1354020248	Đỗ Ngọc Lan	Vi	04/08/1995	Nữ	Khá	QX13	
15	1354020002	Nguyễn Thế	Anh	24/10/1995	Nam	Trung bình	QX13	
16	1354020004	Trần	Anh	25/04/1995	Nam	Trung bình	QX13	
17	1354020026	Bùi Trần Quốc	Huy	19/02/1995	Nam	Khá	QX13	

18	1354020048	Nguyễn Trường	Phúc	18/12/1994	Nam	Trung bình	QX13	
19	1354020051	Lê Thái	Phương	17/02/1995	Nam	Trung bình	QX13	
20	1354020090	Trần	Chinh	18/05/1995	Nam	Trung bình	QX13	
21	1354020117	Lê Quốc	Khải	05/11/1995	Nam	Trung bình	QX13	
22	1354020187	Cao Văn	Duyến	08/03/1995	Nam	Trung bình	QX13	
23	1354020197	Trần Thị	Huệ	24/05/1994	Nữ	Trung bình	QX13	
24	1354020222	Mai Đức Thái	Sơn	30/09/1995	Nam	Trung bình	QX13	
25	1354020231	Đặng	Thiện	03/05/1994	Nam	Trung bình	QX13	
26	1354020238	Đỗ Văn	Tính	20/10/1995	Nam	Trung bình	QX13	

NGÀNH: **KHAI THÁC VẬN TẢI**

CHUYÊN NGÀNH: **QUẢN TRỊ LOGISTICS VÀ VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC**

STT	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1254030087	Nguyễn Trường	Vinh	16/01/1993	Nam	Trung bình	QL12	
2	1354030009	Lê Quang	Đạt	06/12/1995	Nam	Khá	QL13A	
3	1354030011	Quách Thuận	Điền	11/08/1995	Nữ	Khá	QL13A	
4	1354030021	Phạm Thị Thu	Hương	06/06/1995	Nữ	Khá	QL13A	
5	1354030030	Đinh Ngọc	Loan	30/11/1995	Nữ	Khá	QL13A	
6	1354030038	Nguyễn Thành	Nghĩa	13/09/1995	Nam	Khá	QL13A	
7	1354030041	Vũ Thị Bích	Ngọc	17/02/1995	Nữ	Khá	QL13A	
8	1354030049	Trần Thị Diễm	Quỳnh	06/05/1995	Nữ	Khá	QL13A	
9	1354030058	Nguyễn Thị Lan	Thảo	01/11/1995	Nữ	Khá	QL13A	
10	1354030076	Phạm Diệu	Vân	08/01/1995	Nữ	Khá	QL13A	
11	1354030020	Phan Minh	Hảo	03/06/1995	Nam	Trung bình	QL13A	
12	1354030037	Đặng Hữu	Nghĩa	08/04/1993	Nam	Trung bình	QL13A	
13	1354030042	Hà Thế	Nhân	06/09/1995	Nam	Trung bình	QL13A	
14	1354030053	Trần Anh	Tài	04/09/1995	Nam	Trung bình	QL13A	
15	1354030060	Phạm Thu	Thảo	08/08/1995	Nữ	Trung bình	QL13A	
16	1354030099	Vũ Thị Thanh	Huệ	28/08/1995	Nữ	Khá	QL13B	
17	1354030115	Nguyễn Thị	Mơ	15/02/1995	Nữ	Khá	QL13B	
18	1354030119	Trần Thiện	Nhân	31/03/1995	Nam	Khá	QL13B	
19	1354030129	Nguyễn Nữ Hoàng	Thắm	05/05/1995	Nữ	Khá	QL13B	
20	1354030131	Đỗ Thị Lệ	Thanh	08/01/1995	Nữ	Khá	QL13B	
21	1354030139	Lê Thị Thanh	Thuý	12/09/1995	Nữ	Khá	QL13B	
22	1354030151	Phan Thế	Vương	22/02/1995	Nam	Khá	QL13B	
23	1354030093	Nguyễn Thị Thái	Hiền	01/01/1995	Nữ	Trung bình	QL13B	

24	1354030097	Vũ Duy	Hoàng	15/01/1994	Nam	Trung bình	QL13B	
25	1354030105	Trần Thị Thuý	Kiều	06/08/1995	Nữ	Trung bình	QL13B	
26	1354030130	Nguyễn Đức	Thân	28/03/1995	Nam	Trung bình	QL13B	
27	1354030138	Nguyễn Hoài	Thương	20/09/1995	Nam	Trung bình	QL13B	
28	1354030144	Trần Thanh Thảo	Trang	16/11/1995	Nữ	Trung bình	QL13B	

II. CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN

Stt	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1219650051	Đỗ Đạt	Nguyên	21/05/1994	Nam	Trung bình	HH12C	

NGÀNH: VẬN HÀNH KHAI THÁC MÁY TÀU THỦY

STT	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1119660033	Trần Văn	Huân	04/04/1992	Nam	Trung bình	MT11C	
2	1119660047	Trương Minh	Ngọc	08/08/1993	Nam	Trung bình	MT11C	
3	1219660005	Trần Hoàng Gia	Bảo	02/12/1993	Nam	Trung bình	MT12C	
4	1319660011	Đặng Trọng	Dũng	15/01/1995	Nam	Trung bình	MT13C	
5	1319660016	Lê Minh	Đạt	16/03/1995	Nam	Trung bình	MT13C	
6	1319660019	Trần Trung	Đức	03/12/1994	Nam	Trung bình	MT13C	
7	1319660079	Bùi Xuân	Thịnh	02/03/1995	Nam	Trung bình	MT13C	
8	1319660081	Lê Hoàng	Thông	30/08/1995	Nam	Trung bình	MT13C	
9	1419660029	Huỳnh Quốc	Hoàng	13/01/1996	Nam	Trung bình	MT14C	
10	1419660051	Mai Hoàng	Nhi	05/07/1996	Nữ	Trung bình	MT14C	

NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

CHUYÊN NGÀNH: CƠ KHÍ Ô TÔ

STT	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1119680033	Trần Trung	Hiếu	20/10/1993	Nam	Trung bình	CK11C	
2	1119680049	Nguyễn Hữu	Mừng	24/04/1993	Nam	Trung bình	CK11C	
3	1219680004	Võ Duy	Chương	05/07/1991	Nam	Trung bình	CK12C	
4	1319680022	Lê Thanh	Duy	10/03/1995	Nam	Trung bình	CK13C1	
5	1319680036	Lương Văn	Hảo	20/09/1994	Nam	Trung bình	CK13C1	
6	1319680080	Nguyễn Văn Thành	Luận	26/07/1995	Nam	Trung bình	CK13C1	
7	1319680168	Nguyễn Lê Hải	Trọng	02/01/1995	Nam	Trung bình	CK13C1	
8	1151140039	Đỗ Văn	Thiện	19/01/1990	Nam	Trung bình	CK13C2	

NGÀNH: **CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

CHUYÊN NGÀNH: **CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Stt	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1419670065	Nguyễn Khắc	Tín	21/08/1996	Nam	Trung bình	CN14C	

NGÀNH: **KHAI THÁC VẬN TẢI**

CHUYÊN NGÀNH: **KINH TẾ VẬN TẢI BIỂN**

STT	MSSV	Họ và tên		NTNS	GT	XHTN	Lớp	Ghi chú
1	1119690033	Trịnh Quang	Luận	29/06/1993	Nam	Trung bình	KT13C1	
2	1319690107	Nguyễn Thị	Phượng	23/10/1994	Nữ	Trung bình	KT13C1	
3	1319690119	Mai Hữu	Thắng	27/10/1994	Nam	Trung bình	KT13C1	
4	1319690153	Trương Nữ Thảo	Trâm	20/03/1995	Nữ	Trung bình	KT13C1	
5	1319690166	Trần Mạnh	Tường	18/10/1994	Nam	Trung bình	KT13C1	
6	1319690166	Trần Mạnh	Tường	18/10/1994	Nam	Trung bình	KT13C1	
7	1319690087	Nguyễn Thanh	Nhàn	24/11/1995	Nam	Trung bình	KT13C2	
8	1319690161	Nguyễn Văn	Tú	05/05/1995	Nam	Trung bình	KT13C2	
9	1319690167	Nguyễn Ngọc	Tuyến	06/06/1982	Nam	Trung bình	KT13C2	
10	1419690015	Lưu Thị Thùy	Dương	23/01/1996	Nữ	Khá	KT14C1	
11	1419690078	Nguyễn Thị Minh	Thơ	12/05/1996	Nữ	Khá	KT14C1	
12	1419690014	Hồ Thị Mai	Dung	12/08/1996	Nữ	Trung bình	KT14C1	
13	1419690017	Trần Thị Mỹ	Duyên	20/05/1996	Nữ	Trung bình	KT14C1	
14	1419690024	Nguyễn Thúy	Hằng	29/09/1996	Nữ	Trung bình	KT14C1	
15	1419690026	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	30/06/1996	Nữ	Trung bình	KT14C1	
16	1419690039	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	03/07/1996	Nữ	Trung bình	KT14C1	
17	1419690040	Phạm Thị Khánh	Huyền	07/10/1996	Nữ	Trung bình	KT14C1	
18	1419690090	Phạm Thúy	Vi	02/05/1995	Nữ	Trung bình	KT14C1	
19	1419690132	Trương Vĩ	Khang	03/03/1996	Nam	Khá	KT14C2	
20	1419690144	Bùi Như	Ngọc	20/03/1996	Nữ	Khá	KT14C2	
21	1419690104	Lương Thành	Đạt	04/11/1996	Nam	Trung bình	KT14C2	

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Đồng Văn Hướng